ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp lý có liên quan;

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ban hành theo Quyết định số 01 ngày 22 tháng 10 năm 2014 và được sửa đổi theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016;

Bản Điều lệ này sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trong Điều lệ này, các từ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP;

2. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP;

3. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;

4. "Vốn Điều lệ" có nghĩa là số vốn do tất cả các các cổ đông đã góp bằng phương thức mua cổ phần, được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và được quy định tại Điều 9 Điều lệ này;

5. "Cổ phần" có nghĩa là một phần vốn Điều lệ, các cổ phần có giá trị bằng nhau;

6. "Cổ đông" là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;

7. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;

8. "Cổ phiếu" có nghĩa là Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông;

9. "Đại hội đồng cổ đông" có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết;

10. "Hội đồng quản trị" là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty;

11. "Ban Kiểm soát" là cơ quan được Đại hội đồng cổ đông bầu ra nhằm giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành Công ty;

12. "Cán bộ quản lý" hoặc "Người quản lý" là các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

13. "Người có liên quan" có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

14. "Cổ tức" có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

15. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

16. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật;

17. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

18. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông của Công ty uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

19. "Người" trong từng ngữ cảnh cụ thể có thể được hiểu là cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức;

20. "Giá thị trường của cổ phần" là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định;

21. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG
TÊN CÔNG TY VÀ HÌNH THỨC CÔNG TY

Điều 1. Tên Công Ty và Hình Thức Công Ty

1.1 Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP**

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **VIP GREENPORT JOINT STOCK COMPANY**

Tên Công ty viết tắt: VIPGREENPORT

1.2 Hình thức Công ty: Công ty là Công ty Cổ phần. Mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Trụ sở và địa bàn hoạt động

2.1 Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: (031) 8830333 Fax: (031) 8830668

Email: info@vipgreenport.com.vn Website: vipgreenport.com.vn

2.2 Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần thiết, Công ty sẽ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập văn phòng đại diện và chi nhánh tại các địa phương khác trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

3.1 Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và tại nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

3.2 Công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động.

3.3 Công ty chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi Vốn Điều lệ.

3.4 Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.5 Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty

4.1 Mục tiêu: Công ty được thành lập để kinh doanh và đầu tư phát triển các ngành nghề đã đăng ký nhằm huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

4.2 Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa: - Dịch vụ bốc dỡ container (CPC 7411)	5224
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: - Dịch vụ thông quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kiểm tra vận đơn; Dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; Giám định hàng hóa; Dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; Dịch vụ nhận và chấp nhận hàng;dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải	5229
3.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Dịch vụ kho bãi container - Dịch vụ kho bãi (CPC 742)	5210
4.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương: - Vận tải hàng hóa quốc tế (CPC 7212)	5012
5.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa: - Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa (CPC 7222)	5022
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá: - Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748)	4610
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: - Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ (CPC 7123)	4933
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị: - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633)	3312

4.3 Công ty được kinh doanh những ngành nghề đã được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngoài các ngành nghề kinh doanh chính trên, trong quá trình hoạt động, Công ty được quyền bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác không thuộc các ngành nghề bị Pháp luật cấm mà Công ty thấy có lợi cho Công ty và các cổ đông.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

5.1 Theo Điều lệ này, Công ty chỉ có một người làm đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc của Công Ty.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:

(i) Thay mặt công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

(ii) Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Điều 6. Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và vô thời hạn, ngoại trừ trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức hoạt động, điều hành của Công ty

7.1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.

7.2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

7.3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý và điều hành Công ty giữa hai kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông, bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

7.4. Quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

7.5. Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

Điều 8. Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công Ty

8.1 Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của Pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

8.2 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình phù hợp với Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG II

VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1. VỐN

Điều 9. Vốn Điều Lệ

9.1 Vốn Điều lệ của Công ty là: 575.000.000.000 đồng Việt Nam *(Năm trăm bảy mươi lăm tỷ đồng).*

9.2 Việc tăng vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Trong mọi trường hợp, vốn Điều lệ của Công ty không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của Pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

9.3 Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp thuộc đối tượng được mua cổ phần của Công ty, trừ những trường hợp theo luật pháp Việt Nam qui định.

9.4 Vốn Điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

(a) Trường hợp góp vốn bằng vàng, ngoại tệ không phải bằng tiền Việt Nam đều phải được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá vàng và ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời điểm góp vốn.

(b) Trường hợp góp vốn bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, Công ty phải thành lập một Hội đồng thẩm định bao gồm một hoặc một vài thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát hoặc thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn.

MỤC 2. CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 10. Cổ Phần

10.1 Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần gọi là cổ phần. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua cổ phần.

10.2 Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 57.500.000 (Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn) cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam, được các cổ đông sáng lập và các cổ đông phổ thông góp đầy đủ. Mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

10.3 Sở hữu vốn của cổ đông đăng ký mua:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Loại Cổ phần	Tỷ lệ %
1	Công ty CP Container Việt Nam (Viconship)	42.750.000	427.500.000.000	Phổ thông	74,35%
2	Nguyễn Đình Thanh	4.500	45.000.000	Phổ thông	0,01%
3	Cổ đông khác (CBCNV thuộc Cty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO)	2.245.500	22.455.000.000	Phổ thông	3,90%

4	Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.	12.500.000	125.000.000.000	Phổ thông	21,74%
	Tổng số	**57.500.000**	**575.000.000.000**	**Phổ thông**	**100%**

Điều 11. Các loại cổ phần

11.1 Cổ phần của Công ty gồm cổ phần phổ thông và các loại cổ phần ưu đãi. Các loại cổ phần ưu đãi gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi biểu quyết và cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi giá mua. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Thời gian đầu Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông.

11.2 Cổ phần phổ thông có giá trị 10.000 (mười nghìn) đồng Việt Nam khi đăng ký kinh doanh.

11.3 Cổ phần ưu đãi biểu quyết:

(a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết sẽ có số phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành cổ phần ưu đãi biểu quyết đó.

(b) Chỉ có cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

(c) Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết:

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;
- Có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

11.4 Cổ phần ưu đãi cổ tức

(a) Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

(b) Quyền của cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức:

- Nhận cổ tức với mức theo quy định;
- Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

11.5 Cổ phần ưu đãi hoàn lại

(a) Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần sẽ được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

(b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

11.6 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

(a) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

(b) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12. Hình Thức Cổ Phiếu

12.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

(b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

(d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

(e) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

(f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

(g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty;

(h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

(i) Các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

12.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

12.3 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

(a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

(b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo Pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

12.4 Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

13.1 Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, trụ sở Công ty; tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được chào bán của từng loại; tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

13.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết.

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

14.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

(a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

(b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

(c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(d) Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

(i) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (ba) số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

(ii) Thông báo phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên,

địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ tên, chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

(iii) Mỗi cổ đông có quyền mua số cổ phần phát hành thêm tối đa tương ứng với với tỷ lệ cổ phần mà mỗi cổ đông đang nắm giữ trong Công ty vào thời điểm phát hành theo mức giá và các điều kiện ghi trong thông báo. Tỷ lệ cổ phần thực tế của các cổ đông sẽ được xác định theo sổ đăng ký cổ đông;

(iv) Sau khi nhận thông báo nêu trên, mỗi Cổ đông sẽ có 15 (mười lăm) ngày để đăng ký bằng văn bản số lượng Cổ phần mà họ sẽ thực tế mua;

(v) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

(vi) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại có thể được phân phối cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông; trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

14.2 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

14.3 Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

14.4 Các cổ phần được tự do chuyển nhượng giữa các cổ đông và giữa cổ đông với bên thứ ba, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 116 và khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

14.5 Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

14.6 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 15. Thừa Kế Cổ Phần

15.1 Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

(a) Người thừa kế duy nhất theo luật định.

(b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

15.2 Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

MỤC 3. CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông

16.1. **Cổ đông của Công ty:**

(a) Cổ đông của Công ty là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của Công ty và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

(b) Cổ đông có quyền cử đại diện theo theo uỷ quyền (bằng văn bản) đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông, tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Trường hợp, cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.
- Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền.
- Số cổ phần được uỷ quyền đại diện.
- Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.

(c) Trường hợp cổ đông là tổ chức mới được hợp nhất từ tổ chức cũ, hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản pháp lý về hợp nhất hoặc thừa kế để xử lý về cổ phần, cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo Pháp luật hiện hành.

16.2. **Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:**

(a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

(b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

(d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

(e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

(f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

(g) Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (nếu có);

(h) Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;

(i) Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

(j) Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, cụ thể: trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ đông theo quy định của pháp luật, Cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật;

(k) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ và những người được ưu tiên thanh toán hơn theo quy định của Pháp luật và sau sau khi thanh toán cho các cổ đông ưu đãi (nếu có) phù hợp với quyền của cổ đông ưu đãi đó theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và

(l) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

16.3. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, có các quyền sau đây:**

(a) Ứng cử/đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

(c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

(d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

(e) có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

16.4. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:**

(a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyền quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 17. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

17.1 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện Pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

17.2 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty.

17.3 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho bất kỳ người nào làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông;

17.4 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

17.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

17.6 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(a) Vi phạm Pháp luật;

(b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

18.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:

(a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

(b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp được phép hoạt động tại Việt Nam mà Công ty thuê đưa ra trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác. Trường hợp hai bên thống nhất thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá cổ phần, Công ty phải giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

18.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

(a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

(b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

(c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

18.3 Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

18.4 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Cổ đông sáng lập của Công Ty

19.1 Cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

19.2 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân các thiệt hại đối với Công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.

19.3 Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:

(a) Cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty.

(b) Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó.

(c) Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Trong trường hợp này cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty.

(d) Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

19.4 Trường hợp các cổ đông không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán hết trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

19.5 Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông đối với cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

19.6 Danh sách cổ đông sáng lập:

1. Công ty Cổ phần Container Việt Nam

- Mã số doanh nghiệp 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 4 năm 2002. Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 7 năm 2015.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

- Số vốn góp khi thành lập Công ty: 425.750.000.000 đồng, tương ứng 42.750.000 cổ phần, chiếm 74,35% tổng vốn Điều lệ của Công ty.

2. **Ông Nguyễn Đình Thanh**

- Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1976.
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Giới tính: Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/11 Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Chỗ ở hiện tại: Số 12/11 Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Chứng minh nhân dân số: 031898515 cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013 tại Công an Hải Phòng.
- Số vốn góp khi thành lập Công ty: 45.000.000 đồng, tương ứng 4.500 cổ phần, chiếm 0,01% tổng vốn Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty gồm có :

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Giám đốc.
- Ban Kiểm soát.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

21.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

(a) Báo cáo tài chính hàng năm.

(b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty.

(c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

(d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

(e) Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

21.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau:

(a) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.

(b) Thông qua định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

(c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

(d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

(e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

(f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này.

(g) Quyết định việc tăng giảm vốn Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nêu tại điểm f khoản này; quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

(h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

(i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông.

(j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

(k) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.

(l) Quyết định tổng mức thù lao hoặc lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

(m) Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

(n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

22.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

22.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng và có thể được gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

22.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

(b) Số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

(c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

(d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

22.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

22.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

22.6 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

22.7 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

22.8 Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

22.9 Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền cho một uỷ viên Hội đồng quản trị làm chủ toạ.

22.10 Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập thì Trưởng Ban Kiểm soát làm chủ toạ, nếu Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì uỷ quyền cho một thành viên Ban Kiểm soát khác làm chủ toạ.

22.11 Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông này cử một người làm chủ toạ.

Điều 23. Danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

23.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập không sớm hơn 5 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

23.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là

cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

23.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông

24.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

24.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

24.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

(b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(c) Vấn đề kiến nghị trái với quy định của Pháp luật hiện hành.

24.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

25.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

25.2 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Công bố trên địa chỉ website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 26. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

26.1 Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức

không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

26.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

(a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

(b) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

(c) Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

26.3 Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

(a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

(b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

26.4 Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

26.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

26.6 Đại biểu đương nhiên có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

27.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông hoặc đại diện cho nhóm cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

27.2 Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông tiến hành lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp đó được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

27.3 Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba, thì cuộc họp đó luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.

27.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 28. Thể thức triệu tập và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

28.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

28.2 Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

(a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

(b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

(c) Chủ tọa cử một người làm Thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

(d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp ("**Ban Kiểm Phiếu**");

28.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

28.4 Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

28.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

28.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

28.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

28.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

(b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

28.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 29. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

29.1 Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín.

29.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

(a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

(b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

(c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

(d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

(e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(f) Quyết định Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

(g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

29.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

(a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

(b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

(c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp hoặc hình thức khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

29.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay

cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

29.5 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

29.6 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

30.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

30.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ email của từng cổ đông.

30.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.

(b) Mục đích lấy ý kiến.

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

(e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

(f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

30.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

30.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.

(b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

(c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

(e) Các quyết định đã được thông qua.

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo Pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

30.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

30.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

30.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

31.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Từng biên bản họp và biên bản kiểm phiếu phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

31.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

31.3 Chủ toạ và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

31.4 Biên bản họp và biên bản kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

31.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

32.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại điều 29.4 của Điều lệ này.

32.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Hội đồng quản trị

33.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

33.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ đầu tiên là 03 (ba) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

33.3 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

(a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

(b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

(c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

(d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; quyết định việc góp vốn, mua, bán cổ phần và trái phiếu của doanh nghiệp khác.

(e) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

(f) Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật có giá trị từ 05% đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị còn lại hoặc giá thị trường đối với các tài sản đã hết khấu hao từ 01 (một) tỷ đồng đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

(g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các giao dịch, hợp đồng quy định tại điểm e và điểm m, khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.

(h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

(i) Quyết định quy mô, cơ cấu tổ chức, định biên lao động của Công ty, ban hành những quy chế quản lý Công ty bao gồm: quy chế quản lý tài chính, quy chế đầu tư, quy chế phân cấp

quản lý công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, quy chế khen thưởng - kỷ luật và các quy chế cần thiết khác.

(j) Quyết định thành lập, hợp nhất và chia tách Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện; liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước. Quyết định xếp hạng doanh nghiệp đối với Công ty con và Chi nhánh trực thuộc.

(k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

(l) Trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo:

- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.
- Báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Báo cáo trích lập sử dụng các quỹ và mức cổ tức hàng năm.

(m) Quyết định tạm ứng cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và mức cổ tức cả năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Tổ chức việc phân phối lợi nhuận và thành lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến các cổ đông.

(o) Kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông trong việc tổ chức lại, phá sản, giải thể Công ty.

(p) Kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty khi cần thiết.

(q) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và Chi nhánh của Công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

(r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

33.4 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

33.5 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 34. Thành viên Hội đồng quản trị

34.1 Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

(a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

(b) Có trình độ Đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý;

(c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành Pháp luật;

(d) Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

34.2 Ứng cử/đề cử thành viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị:

(a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được quyền ứng cử/đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị theo quy định:

- Nếu chiếm từ 05% đến dưới 10% thì được quyền ứng cử/đề cử 01 (một) thành viên.
- Nếu chiếm từ 10% đến dưới 30% thì được quyền ứng cử/đề cử 02 (hai) thành viên.
- Nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì được ứng cử/đề cử 03 (ba) thành viên.
- Nếu chiếm từ 50% đến dưới 65% được ứng cử/đề cử 04 (bốn) thành viên.
- Nếu chiếm từ 65% trở lên được ứng cử/đề cử đủ 05 (năm) ứng viên.

(b) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử/đề cử theo điểm (a) khoản này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

(c) Những Cổ đông nắm giữ ít hơn 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

34.3 Bãi miễn tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

(a) Không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

(b) Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đã có những lỗi nghiêm trọng và/hoặc gây nên sự cố dẫn đến thua lỗ cho Công ty hoặc ảnh hưởng lớn đến uy tín của Công ty.

(c) Vi phạm nghiêm trọng Điều 159, Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

(d) Mất, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi.

(e) Vắng mặt không tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị liên tục trong 06 (sáu) tháng mà không được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, trừ các trường hợp bất khả kháng.

(f) Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm.

(g) Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân, pháp nhân bị giải thể.

(h) Bị cổ đông là pháp nhân rút quyền đại diện.

(i) Thành viên có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty.

(j) Công ty bị giải thể theo quyết định của toàn án hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(k) Có hành vi trục lợi cá nhân, giao dịch nội gián, tiết lộ bí mật của Công ty hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định trong Điều lệ này.

34.4 Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định ở khoản 3 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

(a) Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng chuyên môn tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

(b) Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, lãng phí của công; lấy tài sản của Công ty cho người khác.

(c) Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị Công ty.

(d) Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân.

34.5 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

34.6 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.

34.7 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 35. Chủ Tịch Hội đồng quản trị:

35.1 Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

35.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

(a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quy định quy chế làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung nghị sự, soạn thảo nghị quyết và các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

(c) Giám sát việc tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị.

(d) Chủ toạ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung nghị sự, soạn thảo nghị quyết và các tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị thành lập các Ban kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và Thư ký tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

(e) Trình Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ này.

(f) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(g) Thay mặt Hội đồng quản trị xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.

(h) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản quy định, các hợp đồng, thoả thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

(i) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

35.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặc hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cũng không có người được uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

36.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

36.3 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

36.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

(a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

(b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

(c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

36.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp

phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Tất cả các thông báo mời họp, tài liệu sử dụng tại cuộc họp phải được chuẩn bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

36.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

36.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử). Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch, những phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty không muộn hơn 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

36.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và theo yêu cầu của người được ủy quyền dự họp của thành viên đó.

36.10 Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp bằng tiếng Anh và tiếng Việt và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

MỤC 3. GIÁM ĐỐC

Điều 37. Giám Đốc

37.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

37.2 Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

37.3 Nhiệm kỳ của Giám đốc là không quá 05 (năm) năm, trong đó nhiệm kỳ đầu tiên là 03 (ba) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc Công ty do Công ty Cổ phần Container Việt nam đề cử.

37.4 Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc của doanh nghiệp khác.

37.5 Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

38.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

38.2 Là cá nhân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 39. Các quyền và nhiệm vụ của Giám Đốc

39.1 Giám đốc Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

(a) Điều hành và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

(b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát biết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

(c) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y chiến lược phát triển kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

(d) Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị còn lại hoặc giá thị trường đối với những tài sản đã hết khấu hao dưới 01 (một) tỷ đồng.

(e) Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý không thuộc thẩm quyền của mình với Hội đồng quản trị và quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của mình.

(f) Đề xuất trình Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty.

(g) Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh thực hiện đối với tất cả các chức danh khác còn lại trong Công ty đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị.

(h) Tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

(i) Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

(j) Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự với khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc ký kết, thực hiện các hợp đồng đó.

(k) Báo cáo tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị; đề nghị Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình.

(l) Thay mặt Công ty quản lý toàn bộ tài sản, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của Nhà nước và phân cấp của Hội đồng quản trị.

(m) Chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn thất do hành vi vi phạm quy trình quản lý điều hành Công ty do mình gây ra.

(n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố. . . và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết.

(o) Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì vẫn được tham dự các phiên họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết và bỏ phiếu.

(p) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

39.2 Từ chức, bãi miễn Giám đốc:

(a) Từ nhiệm: Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

(b) Miễn nhiệm: Giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Hết hạn hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị mà không được gia hạn.
- Chết, mất trí hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Không đủ sức khoẻ để điều hành công việc.

(c) Bãi nhiệm: Giám đốc bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đáp ứng được các tiêu chuẩn của Giám đốc quy định tại Điều 37 Điều lệ này.
- Tự ý bỏ nhiệm vụ mà không được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Mất quyền công dân do bị Toà án tước quyền công dân.
- Bị truy cứu về các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, biển thủ tài sản công quỹ của Công ty, hối lộ, nhận hối lộ, lãng phí của công, lấy tài sản của Công ty cho người khác.
- Do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ điều hành Công ty, Điều lệ Công ty:
  - Không chấp hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
  - Trong quá trình điều hành gây thiệt hại cho Công ty, không đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận do Hội đồng quản trị giao.
  - Có hành vi lạm dụng vị thế ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế để thu lợi cho cá nhân, cho người mình có liên quan.

- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh của Công ty cho người có liên quan, cho Công ty, doanh nghiệp mà ở đó mình có lợi ích.

- Tiết lộ bí mật Công ty mà không được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Ký kết các hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho Công ty.

- Không thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, mẫn cán, không vì lợi ích cao nhất của Công ty, của cổ đông.

- Sử dụng tài sản của Công ty thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác.

Sau khi Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ngay Giám đốc mới.

39.3 Bồi thường thiệt hại

(a) Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

(b) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chủ nợ, không tìm được biện pháp khắc phục để duy trì hoạt động của Công ty thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra nếu lỗi là do quyết định điều hành của mình gây nên thì phải bồi thường.

Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám Đốc

40.1 Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị. Mức thù lao, tiền thưởng cho từng thành viên được phân phối theo quyết định của Hội đồng quản trị.

40.2 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.

40.3 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 41. Thư Ký Công Ty

41.1 Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm

41.2 Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

(a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

(b) Làm Biên bản các cuộc họp.

(c) Tư vấn về các thủ tục các cuộc họp.

(d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

(e) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

(f) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

(g) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;

(h) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

(i) Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại từng thời điểm.

(j) Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

MỤC 4. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ QUẢN LÝ

ĐIỀU 42. Trách Nhiệm Của Người Quản Lý

42.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban hoặc ủy ban của Hội đồng quản trị) một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

42.2 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số Cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

(a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014;

(b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; thực hiện không đầy đủ hoặc không kịp thời bất kỳ vấn đề nào được nghị quyết của Hội đồng quản trị chấp thuận;

(c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

(d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc

(e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

42.3 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

ĐIỀU 43. Tránh Các Xung Đột

43.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần đó;

(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

43.2 Việc kê khai quy định tại khoản 43.1 phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan, và mọi việc sửa đổi, bổ sung về các quyền lợi đó phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

43.3 Việc kê khai được quy định tại khoản 43.1 phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

43.4 Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

43.5 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 44. Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

(a) Đối với một Giao dịch với người có liên quan hoặc một nhóm các Giao dịch với người có liên quan có quan hệ với nhau và có giá trị ít nhất bằng 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tham gia Giao dịch với người có liên quan, cần có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

(i) với ít nhất 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận đối với các Giao dịch có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tham gia Giao dịch với người có liên quan; hoặc

(ii) với ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận đối với các Giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tham gia Giao dịch với người có liên quan.

(b) Đối với Giao dịch với người có liên quan hoặc một nhóm các Giao dịch với người có liên quan có quan hệ với nhau có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tiến hành Giao dịch với người có liên quan, cần có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

(c) Tất cả các Giao dịch với người có liên quan phải dựa trên cơ sở giao dịch khách quan cùng có lợi, trừ trường hợp được tất cả các cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

(d) Hợp đồng hoặc giao dịch đó có thể được một tổ chức tư vấn độc lập xét là công bằng và hợp lý trên mọi phương diện vào thời điểm giao dịch và hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện như quy định ở trên.

44.1 Quyền biểu quyết của các bên có quyền lợi liên quan

Bất kỳ người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích từ việc tham gia vào Giao dịch với người có liên quan, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với người có liên quan này tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Cuộc họp Hội đồng quản trị.

MỤC 5. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ban Kiểm Soát

45.1 Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

45.2 Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát do Công ty CP Container Việt Nam đề cử.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát.

46.1 Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.

(a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(b) Có trình độ Đại học trở lên hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trong các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

(c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

(d) Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty như: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác quy định tại định nghĩa số 12 trong Điều lệ này.

(e) Phải công khai các lợi ích liên quan theo Điều 71 và Điều 159 Luật Doanh nghiệp và Điều 42 của Điều lệ này.

(f) Ứng cử/đề cử người vào Ban Kiểm soát: cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được ứng cử/đề cử người vào Ban Kiểm soát như sau:

- Nếu chiếm từ 05% đến dưới 20% thì được ứng cử/đề cử 01 (một) người.

- Nếu chiếm từ 20% đến dưới 50% thì được ứng cử/đề cử 02 (hai) người.
- Nếu chiếm từ 50% trở lên thì được ứng cử/đề cử đủ 03 (ba) ứng viên.

Nếu cổ đông, nhóm cổ đông đề cập ở trên không đề cử hoặc đề cử không đủ số thành viên Ban Kiểm soát thì các cổ đông khác có quyền đề cử.

46.2 Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 47. Nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát

47.1 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

47.2 Trong nhiệm kỳ nếu khiếm khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

47.3 Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

47.4 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

(a) Hết nhiệm kỳ.

(b) Bị chết.

(c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

(d) Có đơn xin từ nhiệm được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

(e) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử tham gia Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ này đề nghị miễn nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

47.5 Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

(a) Bị cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử tham gia Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ này hoặc bị 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bãi nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

(b) Mất quyền công dân.

(c) Để sót, không phát hiện được các sai phạm, có hành vi thông đồng bao che cho các hành vi vi phạm nghĩa vụ quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, các cán bộ trong bộ máy điều hành dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty, lợi ích của cổ đông.

(d) Hoạt động không mẫn cán, không đánh giá được tính hợp lý, tính hợp pháp của các chứng từ, hoá đơn sổ sách kế toán, các hợp đồng trong kinh doanh.

(e) Bị miễn nhiệm bất kỳ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

47.6 Trong trường hợp khuyết Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên còn lại cử một người tạm thay thế cho đến khi bổ sung đủ số thành viên Ban Kiểm soát sẽ tiến hành bầu Trưởng Ban Kiểm soát.

47.7 Ban Kiểm soát phải xây dựng quy chế hoạt động do Trưởng Ban Kiểm soát ban hành.

47.8 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

48.1 Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

48.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

48.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

48.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

48.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.7 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

48.8 Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

48.9 Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

48.10 Ban Kiểm soát có thể sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

48.11 Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

48.12 Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm các nội dung:

- Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành.
- Kế hoạch giám sát ghi sổ sách kế toán.

- Giám sát, đôn đốc việc lập báo cáo tài chính hàng năm.
- Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị.
- Kiểm soát, đánh giá tính hợp pháp tình hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký giữa Công ty với khách hàng.

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, chủ toạ các cuộc họp Ban Kiểm soát; phân công thành viên Ban kiểm soát theo yêu cầu kiểm soát thường xuyên.

(c) Khi có những vấn đề phát sinh lập kế hoạch và tổ chức lực lượng phù hợp để kiểm tra, giám sát đột xuất.

(d) Lập kế hoạch phối hợp cộng tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát, kiểm tra.

(e) Khi Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt, đi công tác xa, phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng ban để duy trì hoạt động thường xuyên của Ban Kiểm soát. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát không ủy quyền thì các thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát.

(f) Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.

(g) Các quyền khác theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 49. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

49.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

49.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

49.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV

HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 50. Hạch Toán

50.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

50.2 Công ty thực hiện chế độ hạch toán kế toán theo quy định của Pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

50.3 Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau:

(a) Báo cáo tài chính và các báo cáo thuyết minh liên quan.

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

(d) Báo cáo trích lập, sử dụng các quỹ và mức cổ tức hàng năm.

Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại khoản này trong thời gian hợp lý.

Điều 51. Trích lập quỹ và nguyên tắc xử lý lỗ

51.1 Quỹ dự phòng tài chính: Hàng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản vào Quỹ dự phòng tài chính. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.

51.2 Các quỹ khác bao gồm:

(a) Quỹ Đầu tư phát triển.

(b) Quỹ Phúc lợi.

(c) Quỹ Khen thưởng.

(d) Quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

51.3 Trong điều kiện có thể và được Đại hội đồng cổ đông cho phép, hàng năm các cán bộ quản lý có thể được thưởng bằng cổ phần của Công ty. Quỹ cổ phần thưởng này được ấn định bằng một tỷ lệ nhất định của Quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.

Các cổ phần thưởng này được coi là các cổ phần được phép phát hành nhằm bổ sung vốn Điều lệ và chỉ chào bán cho các đối tượng được nêu trong khoản này. Thay vì nhận tiền thưởng các đối tượng trên được nhận một số cổ phần tương đương với số tiền được thưởng.

Trong trường hợp Công ty còn cổ phần chưa phát hành thì số tiền thưởng nêu trên sẽ được quy đổi tất cả hoặc một phần tương đương theo giá thị trường để mua một phần tương ứng của số cổ phần chưa phát hành này làm quỹ cổ phần thưởng cho các đối tượng nêu trên.

Các cổ phần thưởng này chỉ được chuyển nhượng khi người sở hữu nó thôi giữ các chức vụ quản lý, kiểm soát như đề cập trên đây và không có nghĩa vụ tài sản nào với Công ty.

Mức thưởng cụ thể và các điều kiện cũng như đối tượng nhận thưởng bằng cổ phần, loại cổ phần thưởng sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

51.4 Trong trường hợp kết quả kinh doanh cuối năm tài chính bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định theo hướng:

(a) Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù.

(b) Chuyển toàn bộ hoặc một phần lỗ sang năm sau theo quy định của Pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các biện pháp để khắc phục.

Điều 52. Nguyên tắc trả cổ tức

52.1 Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

52.2 Mức cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

52.3 Cổ tức được trả bằng tiền mặt hoặc cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

52.4 Trường hợp trả cổ tức bằng tiền mặt phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Cổ tức được thanh toán trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng do cổ đông chỉ định. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông, thì Công ty không chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua, trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

52.5 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

52.6 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

52.7 Trường hợp trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại

Điều 53. Chế độ lưu trữ tài liệu và Công bố thông tin

53.1 Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

(a) Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;

(b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

(c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

(d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp;

(e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

(f) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

(g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

(h) Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

53.2 Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

53.3 Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

Điều 54. Con dấu của Công ty

54.1 Doanh nghiệp có con dấu riêng. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Con dấu phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật như sau đây:

a) Nội dung con dấu: Tên doanh nghiệp; Mã số doanh nghiệp;

b) Hình thức, kích cỡ: Con dấu hình tròn có đường kính 36mm.

c) Màu mực dấu: màu đỏ.

54.2 Doanh nghiệp có 01 (một) con dấu. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

54.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, TRANH CHẤP

Điều 55. Tổ chức lại Công Ty

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại Công ty trong các trường hợp có biến động lớn hoặc trước những thời cơ, yêu cầu cấp bách. Trong trường hợp này Công ty có thể được tổ chức lại dưới một trong các hình thức: Chia tách, hợp nhất với một số doanh nghiệp khác, sáp nhập với

doanh nghiệp khác hoặc thực hiện chuyển đổi thành hình thức doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 56. Giải thể, phá sản Công ty

56.1 Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

(a) Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể.

(b) Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật.

(c) Quyết định của tòa án đình chỉ hoạt động trong trường hợp Công ty vi phạm Pháp luật.

(d) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động.

(e) Trình tự và thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

56.2 Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm thanh lý viên thay thế Hội đồng quản trị để cùng kiểm toán viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm toán viên có quyền đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

56.3 Trường hợp bị tòa án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Điều 57. Tranh chấp, tranh tụng

57.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền/nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

(a) Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.

(b) Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ quản lý.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hòa giải theo nguyên tắc sau:

- Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

- Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

57.2 Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 04 (bốn) tuần kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

57.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58. Bổ sung sửa đổi Điều Lệ

59.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

59.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó, trong phạm vi bắt buộc hoặc mang tính ngăn cấm, đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

59.3 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc được cơ quan Công chứng Nhà nước xác nhận mới có giá trị.

Điều 59. Hiệu lực

59.1 Bản Điều lệ này gồm 06 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2014 và được sửa đổi theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016.

59.2 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

59.3 Bản Điều lệ này được lập thành sáu (6) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Cả hai bản tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau và đều có hiệu lực pháp lý, với điều kiện rằng bản tiếng Việt của Điều lệ này đã được lập như là một bản dịch của bản tiếng Anh của Điều lệ này và bất kỳ sự mâu thuẫn, không nhất quán hoặc khác biệt nào giữa nội dung của bản tiếng Việt và bản tiếng Anh sẽ được xem là lỗi dịch thuật và bản tiếng Việt của Điều lệ này phải được sửa lại theo đúng nội dung của bản tiếng Anh.

CHỮ KÝ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

CÁP TRỌNG CƯỜNG